

---oOo---

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ IV - NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Quý IV/2011	Quý IV/2010	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4			5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		184.174.314.517	163.312.506.611	864.743.524.498	577.046.256.687
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(187.214.784.202)	(162.804.797.099)	(854.295.662.615)	(551.391.828.467)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.493.519.695)	(10.625.900.612)	(42.714.677.715)	(43.373.399.823)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(20.888.889)	0	(193.508.222)	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(893.944.109)	(2.404.184.032)	(5.967.957.485)	(11.616.846.804)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.426.368.537	9.336.960.580	31.280.792.727	25.972.807.271
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.027.555.560)	(4.669.370.462)	(21.341.216.591)	(19.069.825.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.050.009.401)	(7.854.785.014)	(28.488.705.403)	(22.432.836.891)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(76.000.000)	(224.239.347)	(28.564.097.740)	(1.536.398.324)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	0	31.818.182	5.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(15.500.000.000)	(10.054.545)	(59.991.554.340)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	23.000.000.000	25.500.000.000	65.348.630.667
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.891.844.413	2.299.142.917	7.134.826.577	10.189.468.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.815.844.413	9.574.903.570	4.092.492.474	14.015.601.505
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0	0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0	0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.970.000)	(3.000.000)	(6.850.700.000)	(4.163.436.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.970.000)	(3.000.000)	(6.850.700.000)	(4.163.436.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.278.134.988)	1.717.118.556	(31.246.912.929)	(12.580.671.786)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.886.868.749	76.138.528.134	77.855.646.690	90.436.318.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	46.608.733.761	77.855.646.690	46.608.733.761	77.855.646.690

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2012

CHỖ CHỮ MỆCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỐC MÔN
Lập và Kiểm soát
Lê Văn Mỹ

Nguyễn Thị Thu Vân

Lê Thị Mộng Điệp

Lê Văn Mỹ